

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2026/DS-PT

Ngày: 08 - 4 - 2026

V/v “*Tranh chấp quyền
sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Đào.

Các Thẩm phán: Ông Ông Trần Bá Kha.

Ông Lê Chí Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Vũ Tường Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 156/2026/TLPT-DS ngày 16 tháng 3 năm 2026 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 137/2025/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 174/2026/QĐ-PT ngày 24 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Ánh P**, sinh năm 1973 (Số CCCD 091066008675) và ông **Nguyễn Huy D**, sinh năm 1966 (Số CCCD 091173004171); Đều có mặt.

Cùng địa chỉ: **Số D đường T, phường R, tỉnh An Giang.**

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1968 (Số CCCD 052068020748); Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà **Trần Ngọc Trúc H1**, sinh năm 1990 (**Số C**). Có mặt.

Cùng địa chỉ: **Số E đường P, phường R, tỉnh An Giang.**

(Theo văn bản ủy quyền ngày 06/8/2024).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Võ Thị T**, sinh năm 1972 (**Số C**).
Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Võ Thị T**: Bà **Trần Ngọc Trúc H1**, sinh năm 1990 (**Số C**). Có mặt.

Cùng địa chỉ: **Số E đường P, phường R, tỉnh An Giang**.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 31/3/2026)

4. Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Võ Thị T**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Trần Thị Ánh P** và ông **Nguyễn Huy D** trình bày:*

Vợ chồng ông **D**, bà **P** có quyền sử dụng đất tại thửa đất số 266, tờ bản đồ số 91, địa chỉ **đường L, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (Nay là phường R, tỉnh An Giang)**. Diện tích đất: ngang 09 mét x dài 20,90 mét, tổng diện tích là 188,1m².

Tháng 8/2023 ông **Trần Văn H** đã bao chiếm hết phần đất của vợ chồng ông bà và cất nhà lán ngang 09 mét, dài 01 mét, ông bà đã nhiều lần yêu cầu ông **H** tháo dỡ, nhưng ông **H** chỉ hứa cho qua, nhận thấy ông **H** cố tình bao chiếm hết diện tích đất nên ông bà có làm đơn gửi đến **UBND phường A** để giải quyết.

Trong thời gian nhận đơn để giải quyết thì vào ngày 24/8/2023 **UBND phường A** có cử cán bộ địa chính – xây dựng xuống đo đạc hiện trạng diện tích đất đang tranh chấp để thuận lợi cho việc giải quyết.

Ngày 18/10/2023 và ngày 21/11/2023 **UBND phường A** có mời hai bên đến **UBND phường A** để hòa giải theo quy định pháp luật, nhưng ông **H** cố tình không đến và được **UBND phường A** lập biên bản. Tại Thông báo số 338 ngày 23/11/2023 của **UBND phường A**, ra thông báo cho ông bà làm đơn khởi kiện tại Tòa án.

Nguyên đơn bà **P** và ông **D** thống nhất với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **H** phải tháo dỡ công trình trên đất, tháo dỡ hàng rào, di dời cây xanh trồng trên đất và trả lại cho ông bà diện tích đất đã lấn chiếm là 178,6m² theo số liệu thực tế đo đạc thuộc thửa đất số 266, tờ bản đồ số 91, vị trí đất **đường L, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (Nay là phường R, tỉnh An Giang)**.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu:

1. Buộc gia đình ông **Trần Văn H** trả lại ông bà phần đất đã lấn chiếm diện tích ngang 09 mét x dài 01 mét.

2. Buộc gia đình ông **H** tháo dỡ các công trình xây dựng trên phần đất của ông bà, trả lại cho ông bà hiện trạng đất ban đầu ngang mặt trước, mặt sau bằng nhau 09

mét, chiều dài hai bên bằng nhau 20,90 mét. Tổng diện tích là 188,1m² thuộc thửa đất số 266, tờ bản đồ số 91; Vị trí đất đường L, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (Nay là phường R, tỉnh An Giang).

*** Tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn H do người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Văn H trình bày:**

Vợ chồng ông D, bà P yêu cầu gia đình ông H giao lại phần đất tranh chấp tại thửa đất số 266, tờ bản đồ số 91, tọa lạc tại đường L, phường A, thành phố R, Kiên Giang (Nay là phường R, tỉnh An Giang). Thửa đất của vợ chồng ông D nối liền với thửa đất số 38, tờ bản đồ số 91, diện tích 574,6 m² do ông Trần Văn H đứng tên Giấy chứng nhận QSD đất số CE 288934 được gia đình ông H mua và nhận bàn giao vào năm 2016, thời điểm mua chủ cũ thửa số 38 là ông C (ở Đồng Tháp nhưng không biết địa chỉ cụ thể) thỏa thuận tặng cho gia đình ông H phần đất liền kề (hiện đang tranh chấp) vào năm 2016, có lập bằng giấy tay nhưng gia đình ông đã làm thất lạc, gia đình ông đã nhiều lần tiến hành các hoạt động cải tạo, san lấp và sử dụng đất cho đến hiện tại (kinh phí thực hiện cải tạo và san lấp phần đất do gia đình ông tự bỏ ra)

Khi đường Nguyễn Thị Minh K có kế hoạch và tiến hành làm đường vào năm 2022-2023 các cơ quan chính quyền địa phương tiến hành làm việc với các hộ dân có đất giải tỏa và bồi thường, các cơ quan có liên quan đã nhiều lần mời gia đình ông H và các hộ lân cận làm việc về việc đưa ra phương án bồi thường. Tuy nhiên ở thời điểm đó thửa đất số 266 vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ để đủ điều kiện được bồi thường giải tỏa nên sau vài lần mời làm việc về nội dung bồi thường ông H đã không tiếp tục tham gia những cuộc họp về việc bồi thường nữa. Việc gia đình ông được yêu cầu và tham gia các cuộc họp về bàn giao và bồi thường vào thời gian đầu cho thấy chính quyền tại địa phương có biết việc gia đình ông H cải tạo và sử dụng thửa đất hiện nay đang tranh chấp.

Bị đơn thống nhất với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án.

Đồng ý trả lại cho bà P và ông D diện tích đất không có công trình xây dựng trên đất là 148,5m²; bị đơn không đồng ý trả lại diện tích đất đã xây dựng công trình trên đất là 30,1m²; yêu cầu ông D và bà P phải trả lại cho ông H tiền đồ đất san lấp mặt bằng, thuê người chặt cây trên đất là 45.000.000 đồng.

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 137/2025/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang quyết định:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Huy D1, bà Trần Thị Ánh P đối với bị đơn ông Trần Văn H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

2. Buộc ông Trần Văn H phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất, tháo dỡ hàng rào, di dời cây xanh trồng trên đất, trả lại cho ông Nguyễn Huy D và bà Trần Thị Ánh Phương diện T1 đất 178,6m², thuộc thửa đất số 266, tờ bản đồ 91 (nay thay thế là

thửa đất 24, tờ bản đồ số 126), đất tọa lạc tại đường L, phường R, tỉnh An Giang, số đo các cạnh, giáp ranh cụ thể như sau:

- Cạnh 3 – 4 giáp đất ông Trần Văn H 9m;
- Cạnh 4 – 10 giáp đất Trần Trang T2 2,78m;
- Cạnh 10 – 9 giáp đất Trần Trang T2 0,45m;
- Cạnh 9 – 8 giáp đất Trần Trang T2 18,12m;
- Cạnh 8 – 7 giáp hành lang lộ giới đường N 8,53m;
- Cạnh 7 – 3 giáp Hoàng Quốc C1 20,90m;

(Theo tờ trích đo địa chính: TĐ 04 – 2025 (23;24 – 126) ngày 13/01/2025 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố R).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định.

*** Ngày 16/01/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T kháng cáo với nội dung:** Yêu cầu xem xét lại việc buộc gia đình bà tháo dỡ các công trình nhà bếp xây dựng trên phần đất lấn chiếm vì công trình này gia đình bà xây dựng dựa trên bờ tường của chủ cũ, nếu có căn cứ chứng minh chủ cũ lấn đất của người khác thì gia đình bà đồng ý tháo dỡ nhưng nguyên đơn phải trả lại chi phí tháo dỡ và xây dựng lại; gia đình bà đồng ý trả lại phần đất giáp đường N cho nguyên đơn và yêu cầu nguyên đơn hoàn lại số tiền mà gia đình bà đã bồi đắp.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T trình bày: Yêu cầu nguyên đơn ông Trần Huy D1 và bà Trần Thị Ánh P hỗ trợ chi phí tháo dỡ công trình xây dựng trên đất, tháo dỡ hàng rào, di dời cây xanh trồng trên đất cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T và gia đình số tiền 22.500.000 đồng.

- Nguyên đơn ông Trần Huy D1 và bà Trần Thị Ánh P trình bày: Đồng ý tự nguyện hỗ trợ chi phí tháo dỡ công trình xây dựng trên đất, tháo dỡ hàng rào, di dời cây xanh trồng trên đất cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T và gia đình số tiền 22.500.000 đồng.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị hướng giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2025/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông **Trần Huy D1** và bà **Trần Thị Ánh P** với người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Võ Thị T** là nguyên đơn ông **Trần Huy D1** và bà **Trần Thị Ánh P** hỗ trợ chi phí tháo dỡ công trình xây dựng trên đất, tháo dỡ hàng rào, di dời cây xanh trồng trên đất cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Võ Thị T** và gia đình số tiền 22.500.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; kết quả tranh luận tại phiên tòa của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn ông **Trần Huy D1** và bà **Trần Thị Ánh P** khởi kiện yêu cầu buộc gia đình ông **Trần Văn H** trả lại phần đất đã lấn chiếm diện tích ngang 09 mét x dài 01 mét; buộc gia đình ông **H** tháo dỡ các công trình xây dựng trên phần đất của ông bà, trả lại cho ông bà hiện trạng đất ban đầu ngang mặt trước, mặt sau bằng nhau 09 mét, chiều dài hai bên bằng nhau 20,90 mét. Tổng diện tích là 188,1m² thuộc thửa đất số 266, tờ bản đồ số 91; Vị trí đất **đường L, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (Nay là phường R, tỉnh An Giang)**.

[2.2] Bị đơn ông **Trần Văn H** đồng ý trả lại cho bà **P** và ông **D1** diện tích đất không có công trình xây dựng trên đất là 148,5m²; không đồng ý trả lại diện tích đất đã xây dựng công trình trên đất là 30,1m²; yêu cầu ông **D1** và bà **P** phải trả lại cho ông **H** tiền đổ đất san lấp mặt bằng, thuê người chặt cây trên đất là 45.000.000 đồng.

[2.3] Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2025/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trần Huy D1**, bà **Trần Thị Ánh P** đối với bị đơn ông **Trần Văn H** về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Buộc ông **Trần Văn H** phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất, tháo dỡ hàng rào, di dời cây xanh trồng trên đất, trả lại cho ông **Nguyễn Huy D** và bà **Trần Thị Ánh Phương diện T1** đất 178,6m², thuộc thửa đất số 266, tờ bản đồ 91 (nay thay thế là thửa đất số 24, tờ bản đồ số 126), đất tọa lạc tại **đường L, phường R, tỉnh An Giang**, số đo các cạnh, giáp ranh cụ thể như sau: Cạnh 3 – 4 giáp đất ông **Trần Văn H** 9m; cạnh 4 – 10 giáp đất **Trần Trang T2** 2,78m; cạnh 10 – 9 giáp đất **Trần Trang T2** 0,45m; cạnh 9 – 8 giáp đất **Trần Trang T2** 18,12m; cạnh 8 – 7 giáp hành lang lộ giới **đường N**

8,53m; cạnh 7 – 3 giáp **Hoàng Quốc C1** 20,90m (Theo tờ trích đo địa chính: TĐ 04 – 2025 (23;24 – 126) ngày 13/01/2025 của Chi nhánh **văn phòng đăng ký đất đai thành phố R**).

[3] Xét nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Võ Thị T** yêu cầu nguyên đơn ông **Trần Huy D1** và bà **Trần Thị Ánh P** hỗ trợ chi phí tháo dỡ công trình xây dựng trên đất, tháo dỡ hàng rào, di dời cây xanh trồng trên đất cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Võ Thị T** và gia đình số tiền 22.500.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông **Trần Huy D1** và bà **Trần Thị Ánh P** đồng ý tự nguyện hỗ trợ chi phí tháo dỡ công trình xây dựng trên đất, tháo dỡ hàng rào, di dời cây xanh trồng trên đất cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Võ Thị T** và gia đình số tiền 22.500.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn ông **Trần Huy D1** và bà **Trần Thị Ánh P** đồng ý tự nguyện hỗ trợ chi phí tháo dỡ công trình xây dựng trên đất, tháo dỡ hàng rào, di dời cây xanh trồng trên đất cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Võ Thị T** và gia đình số tiền 22.500.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận nội dung trên của các đương sự là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Từ những căn cứ nhận định trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên; chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Võ Thị T**. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2025/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông **Trần Huy D1** và bà **Trần Thị Ánh P** với người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Võ Thị T** trên cơ sở ghi nhận sự tự nguyện của đương sự, cấp sơ thẩm không có lỗi.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 2.453.900 đồng theo hóa đơn GTGT số 00000215 ngày 11/02/2025 của Chi nhánh **văn phòng đăng ký đất đai thành phố R**, tỉnh Kiên Giang (nay là **Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh A** chi nhánh khu vực liên **phường V** và **phường R**). Đương sự đã nộp đủ.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn ông **Trần Văn H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông **Nguyễn Huy D** và bà **Trần Thị Ánh P** số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004944 ngày 02/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – An Giang).

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Võ Thị T** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Võ Thị T** số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000371 ngày 26/01/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – An Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Võ Thị T**.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2025/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang.

Áp dụng các Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 169 và Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 97, Điều 166 và Điều 170 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trần Huy D1** và bà **Trần Thị Ánh P** “*Về việc tranh chấp quyền sử dụng đất*” đối với bị đơn ông **Trần Văn H**.

1.1. Buộc bị đơn ông **Trần Văn H** phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất, tháo dỡ hàng rào, di dời cây xanh trồng trên đất, trả lại cho ông **Nguyễn Huy D** và bà **Trần Thị Ánh Phương diện T1** đất 178,6m², thuộc thửa đất số 266, tờ bản đồ 91 (nay thay thế là thửa đất số 24, tờ bản đồ số 126), đất tọa lạc tại **đường L, phường R, tỉnh An Giang**, số đo các cạnh, giáp ranh cụ thể như sau:

- Cạnh 3 – 4 giáp đất ông **Trần Văn H** 9m;
- Cạnh 4 – 10 giáp đất **Trần Trang T2** 2,78m;
- Cạnh 10 – 9 giáp đất **Trần Trang T2** 0,45m;
- Cạnh 9 – 8 giáp đất **Trần Trang T2** 18,12m;
- Cạnh 8 – 7 giáp hành lang lộ giới **đường N** 8,53m;

- Cạnh 7 – 3 giáp **Hoàng Quốc C1** 20,90m;

(Theo Tờ trích đo địa chính: TĐ 04 – 2025 (23;24 – 126) ngày 13/01/2025 của Chi nhánh **văn phòng đăng ký đất đai thành phố R**).

1.2. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông **Trần Huy D1** và bà **Trần Thị Ánh P** hỗ trợ chi phí tháo dỡ công trình xây dựng trên đất, tháo dỡ hàng rào, di dời cây xanh trồng trên đất cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Võ Thị T** và gia đình số tiền 22.500.000 đồng.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 2.453.900 đồng theo hóa đơn GTGT số 00000215 ngày 11/02/2025 của Chi nhánh **văn phòng đăng ký đất đai thành phố R**, tỉnh Kiên Giang (nay là **Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh A** chi nhánh khu vực liên **phường V và phường R**). Đương sự đã nộp đủ.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn ông **Trần Văn H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

- Hoàn trả cho nguyên đơn ông **Nguyễn Huy D** và bà **Trần Thị Ánh P** số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004944 ngày 02/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – An Giang).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Võ Thị T** số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000371 ngày 26/01/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – An Giang.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND khu vực 1 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 1 – An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bình Đảo